

|                    |           |         |         |
|--------------------|-----------|---------|---------|
| Ngày<br>30/09/2024 | 7,200 VNĐ |         |         |
| Thay đổi           | 1 tháng   | 3 tháng | 6 tháng |
|                    | -2.4%     | -8.2%   | 0.1%    |

|     |       |                   |
|-----|-------|-------------------|
|     | Q3/24 |                   |
| ROE | -3.2% | +/- YoY<br>▼ 2.6% |

|             |        |                         |                          |
|-------------|--------|-------------------------|--------------------------|
|             | Q3/24  |                         |                          |
| DT<br>thuần | 1.79   | QoQ<br>▲ 0.15<br>▲ 8.8% | YoY<br>▲ 0.21<br>▲ 13.0% |
|             | tỷ VNĐ |                         |                          |

|             |         |                         |
|-------------|---------|-------------------------|
|             | 9T 2024 |                         |
| DT<br>thuần | 4.56    | YoY<br>▲ 0.07<br>▲ 1.5% |
|             | tỷ VNĐ  |                         |

|           |        |                          |                          |
|-----------|--------|--------------------------|--------------------------|
|           | Q3/24  |                          |                          |
| LN<br>gộp | 0.83   | QoQ<br>▲ 0.15<br>▲ 22.1% | YoY<br>▲ 0.23<br>▲ 38.4% |
|           | tỷ VNĐ |                          |                          |

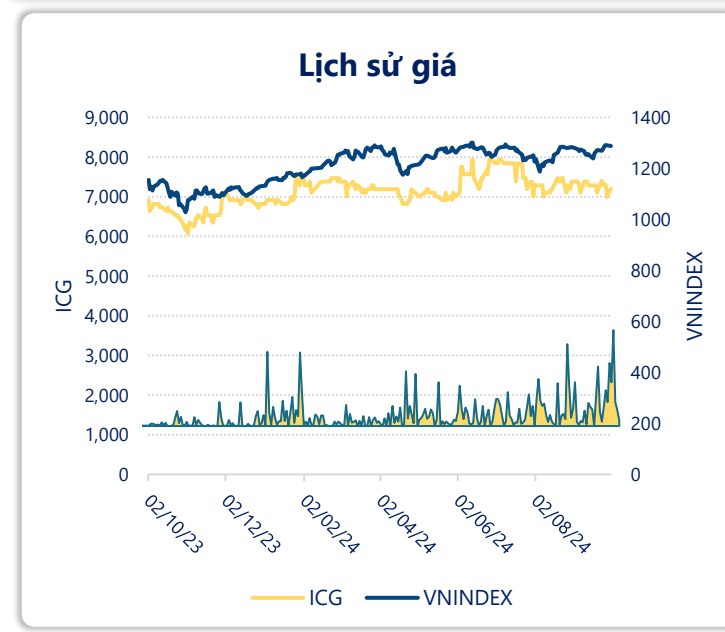
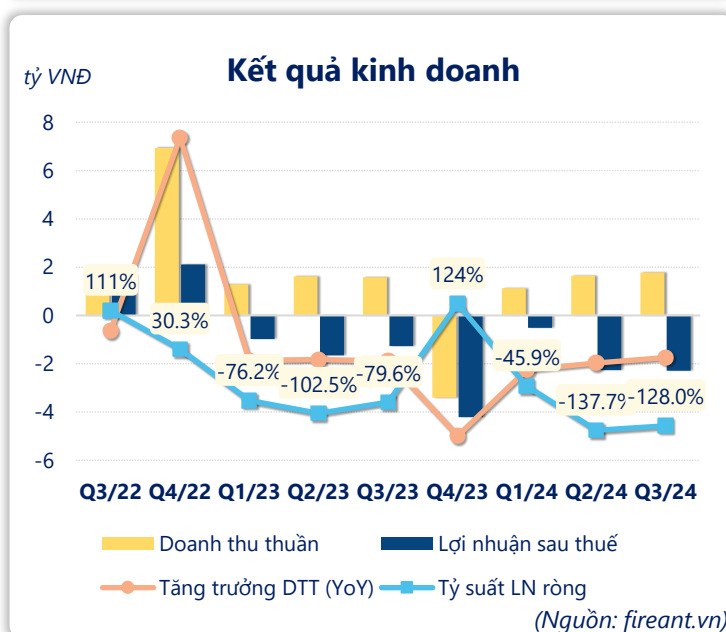
|        |         |                         |
|--------|---------|-------------------------|
|        | 9T 2024 |                         |
| LN gộp | 1.81    | YoY<br>▲ 0.14<br>▲ 8.5% |
|        | tỷ VNĐ  |                         |

|             |        |                         |                          |
|-------------|--------|-------------------------|--------------------------|
|             | Q3/24  |                         |                          |
| LN<br>thuần | -2.29  | QoQ<br>▼ 0.08<br>▼ 3.4% | YoY<br>▼ 1.03<br>▼ 81.4% |
|             | tỷ VNĐ |                         |                          |

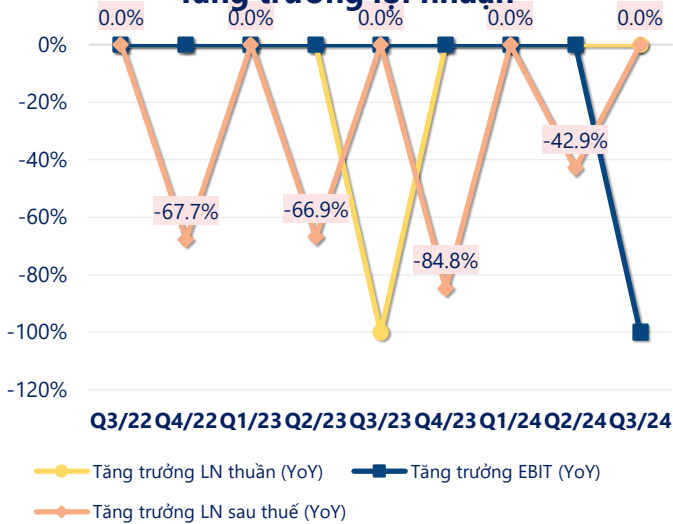
|          |         |                          |
|----------|---------|--------------------------|
|          | 9T 2024 |                          |
| LN thuần | -5.01   | YoY<br>▼ 1.21<br>▼ 31.8% |
|          | tỷ VNĐ  |                          |

|                |        |                         |                          |
|----------------|--------|-------------------------|--------------------------|
|                | Q3/24  |                         |                          |
| LN sau<br>thuế | -2.29  | QoQ<br>▼ 0.03<br>▼ 1.1% | YoY<br>▼ 1.03<br>▼ 81.4% |
|                | tỷ VNĐ |                         |                          |

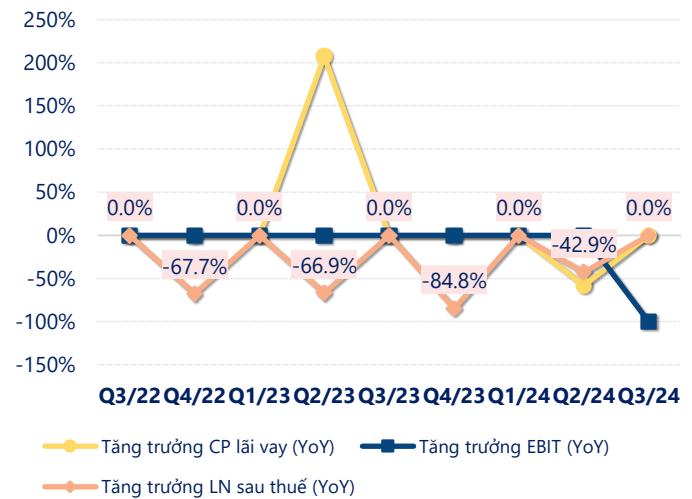
|                |         |                          |
|----------------|---------|--------------------------|
|                | 9T 2024 |                          |
| LN sau<br>thuế | -5.06   | YoY<br>▼ 1.17<br>▼ 30.1% |
|                | tỷ VNĐ  |                          |



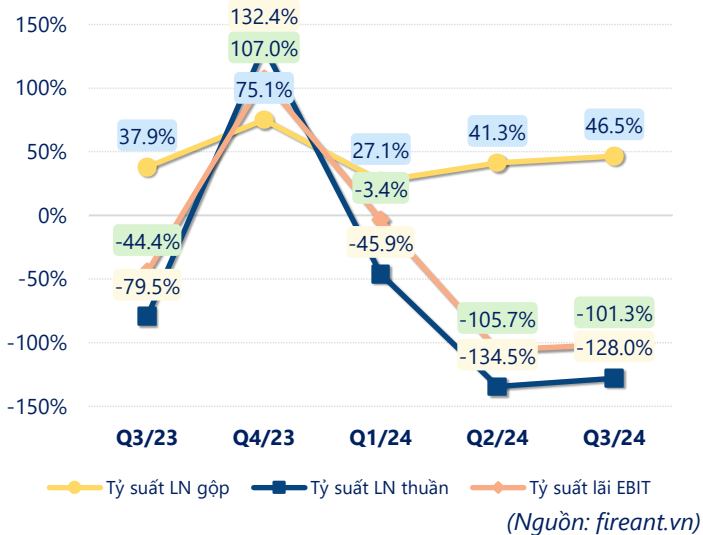
## Tăng trưởng lợi nhuận



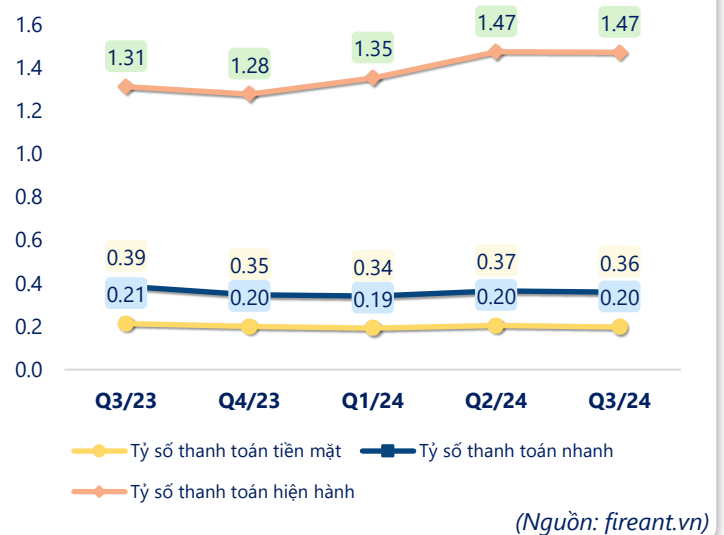
## Tăng trưởng chi phí



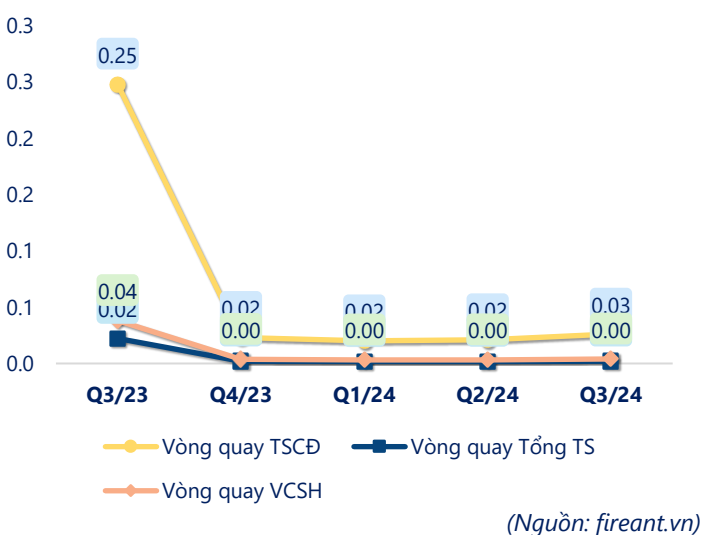
## Tỷ suất lợi nhuận



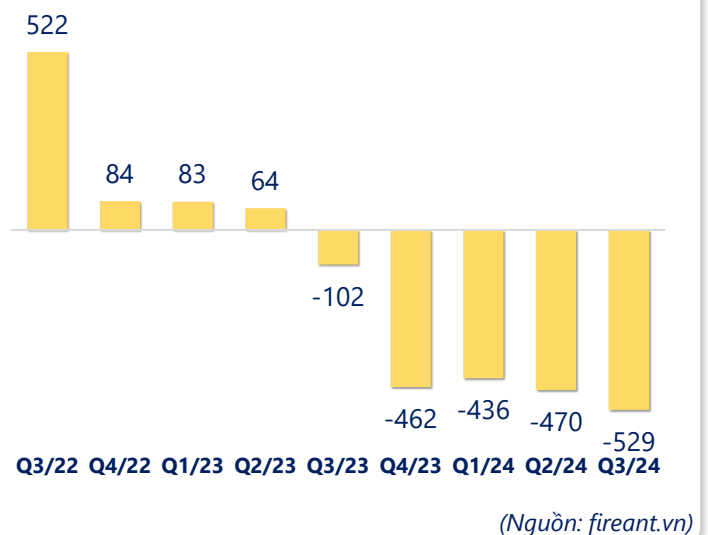
## Chỉ số thanh khoản



## Vòng quay tài sản



## EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH<br>(tỷ VNĐ) | Q3/24 | Q3/23 | Thay đổi<br>YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi<br>YoY |
|--------------------------------|-------|-------|-----------------|---------|---------|-----------------|
| Doanh thu thuần                | 1.79  | 1.58  | 13.0%           | 4.56    | 4.49    | 1.5%            |
| Giá vốn hàng bán               | 0.95  | 0.98  | -2.6%           | 2.74    | 2.82    | -2.7%           |
| Lợi nhuận gộp                  | 0.83  | 0.60  | 38.4%           | 1.81    | 1.67    | 8.5%            |
| Doanh thu HĐTC                 | -0.86 | 0.44  | -295%           | -0.16   | 1.99    | -108%           |
| Chi phí TC                     | 0.48  | 0.56  | -14.6%          | 1.43    | 2.00    | -28.4%          |
| Chi phí lãi vay                | 0.48  | 0.56  | -14.6%          | 1.43    | 2.00    | -28.4%          |
| LN trong công ty LKLD          | 0.00  | 0.00  |                 | 0.00    | 0.00    | -16.2%          |
| Chi phí bán hàng               | 0     | 0.00  |                 | 0       | 0       |                 |
| Chi phí QLDN                   | 1.78  | 1.74  | 2.3%            | 5.24    | 5.47    | -4.2%           |
| LN thuần từ HĐKD               | -2.29 | -1.26 | -81.4%          | -5.01   | -3.80   | -31.8%          |
| Lợi nhuận khác                 | 0     | 0.00  |                 | 0       | 0.00    | 100%            |
| LN trước thuế                  | -2.29 | -1.26 | -81.4%          | -5.01   | -3.81   | -31.7%          |
| Lợi nhuận sau thuế             | -2.29 | -1.26 | -81.4%          | -5.06   | -3.89   | -30.1%          |
| LNST của CĐ cty mẹ             | -2.29 | -1.26 | -81.4%          | -5.07   | -3.90   | -29.9%          |

(Nguồn: fireant.vn)

